## NỘI DUNG CHƯƠNG TRİNH HỌC LỚP 4 TUÀN 18-19-20

| STT | NỌI DUNG | LU'U Ý |
| :---: | :---: | :---: |
| 1 | Từ vựng <br> at home: ở nhà, at the zoo: ở sơ thú, on the beach: trên bãi biển, in the school library: trong thu viện truờng, at the park: trong công viên. | Động từ đuôi (ed): paint ( $v \tilde{e}$ ) $\Rightarrow$ painted ( $đ \tilde{a} v \tilde{e}$ ) play (choi) $\Rightarrow$ played ( đã chooi) water (tưới nuớc) $\Rightarrow$ watered (đã tưới nước) |
| 2 | Cấu trúc câu <br> Where were you yesterday? (Ban đã ở đâu ngày hôm qua?) <br> - I was at home. ( tôi đã ở nhà.) <br> What did you do there? (bạn đã làm gì ở đó?) <br> - I watched TV. (Tôi đã xem ti vi) | Chú ý: sử dụng đúng các giới từ in, on, at,.. và sử dụng động từ đuôi (ed) trong câu trả lời. |
|  | \& Where were they yesterday? (Ho đã ỏ đâu ngày hôm qua?) <br> - They were at home. (Ho đã ở nhà.) Go What did they do there? (Họ đã làm gì ở đó?) <br> - They watched TV. (Họ đã xem ti vi) | Chú ý: sử dụng đúng các giới từ in, on, at,.. và sử dụng động từ đuôi (ed) trong câu trả lời. |
|  | Go Where was she/ he yesterday? (Cô ây/ anh ấy đã ở đâu ngày hôm qua?) <br> - She/ he was at home. (Côáa/ anh á́y đã ỏ nhà.) <br> Go What did she/ he do there? (Cô ấy/ anh ấy đã làm gì ở đó?) <br> - She/ he watched TV. (Côáy/ anh ấy đã xem ti vi) | Chú ý: sử dụng đúng các giới từ in, on, at,.. và sử dụng động từ đuôi (ed) trong câu trả lời. |
|  | G What time is it? : Máy giơ rôi nhi? <br> - It's seven : Bảy giờ rồi. <br> - It's seven twenty/ It's twenty past seven: 7 giờ 20 phút. <br> - It's seven forty- five/ It's fifteen to eight: 7 giờ 45/ tám giờ kém mười lăm. | * Cách nói giờ: <br> - It's + giờ +phút <br> - Số phút + past + số giờ: (cách nói số giờ hơn) <br> - Số phút + to+ số giờ: (cách nói số giờ kém) |

## BÀI TẬP BỐ TRỢ

Name: $\qquad$
Class: $\qquad$
School: $\qquad$

## 1/ Odd one out

| 1. A. home | B. school | C. homework | D. library |
| :--- | :--- | :--- | :--- |
| 2. A. second | B. hour | C. minute | D. o'clock |
| 3. A. swam | B. played | C. went | D. does |
| 4. A. morning | B. swimming | C. cooking | D. dancing |
| 5. A. Thursday | B. Monday | C. April | D. Sunday |
| 6. A. five | B. fifth | C. third | D. first |
| 7. A. on | B. do | C. in | D. at |
| 8. A. their | B. I | C. her | D. his |
| 9. A. stamp | B. sand castle | C. make | D. model |
| 10. A. skipping | B. surfing | C. reading | D. listened |

## 2/ What time is it?


3. Circle the best answer:

1. Where $\qquad$ they yesterday?
a. were
b. was
c. do
d. did
2. She
at the zoo?
a. were
b. was
c. is
d. go
3. What time is $\qquad$ ?
a. now
b. it
c. this
d. b and c is correct
4. She played $\qquad$ the beach.
a. on
b. in
c. at
d. to
5. What $\qquad$ he $\qquad$ there yesterday afternoon?
a. does/do
b. $\mathrm{Do} /$ does
c. did/ do
d. do/ did
6. What .he like doing in his free time? - He likes flying kites.
a. is
b. does
c. do
d. hobby
7. It's fifteen $\qquad$ eleven.
a. and
b. to
c. on
d. at
8. What did she do yesterday? - She $\qquad$ with her friends.
a. skipping
b. skiped
c. skipp
d. skipped
9. It's ten
ten.
a. o'clock
b. past
c. p.m
d. a.m
10. What are you doing?- I $\qquad$ .my homework.
a. am doing
b. doing
c. do
d. did
11. Reorder the sentences ( Sắp xếp lại những câu sau )
12. / to/ went / school's/ I/ library/ yesterday/.
13. She/ a/ yesterday/ painted/ beautiful/ morning/ picture/.
14. grandmother/ trees/ in/ morning/ watered/ the/ My/ garden/ this/ the/
15. listened/sister/ my/ music /to /in / I/ bedroom/my/ with.
16. was/ Tom/yesterday/ afternoon/ Where/ ?/.

## 5. Read and match:

| 1. Where were you yesterday? | $\mathbf{1 .}$ | a. I visited my grandparents. |
| :--- | :--- | :--- |
| 2. What can your father do? | $\mathbf{2 .}$ | b. Yes, he can. |
| 3. What's your hobby? | $\mathbf{3 .}$ | c. It's nine twenty. |
| 4. What did you do on last Sunday <br> morning? | $\mathbf{4 .}$ - | d. Ok. Let's go. |
| 5. What time does he get up? | $\mathbf{5 .}$ | e. I was at the Art Club. |
| 6. Can your grandfather ride a <br> bike? | 6. | f. I like sailing a boat and making <br> models. |
| 7. It's time to go to walk, Daddy. | 7. | g. He can play chess, football and <br> cook. |
| 8. What time is it? | 8. | h. He gets up at 7 o'clock. |

## 6. Read the text and write one suitable word.

Hello everybody! My name is John. I get up at six every day. I take a bath then I eat a small breakfast. I go to school (1) $\qquad$ seven o'clock. I have (2) $\qquad$ from 7.30 to 11.00 . I go home at 11.10. At half past eleven, I have lunch. (3) $\qquad$ the afternoon, I do my exercise and learn English vocabularies. In the evening, I (4) $\qquad$ television and do my homework. I go (5) $\qquad$ bed at ten o'clock.

## 7. Fill in the blank with suitable words.

on, at, at, of, from, danced, went, painted, on

1. I go to school $\qquad$ Mondays to Fridays.
2. We don't go to school $\qquad$ Saturdays and Sundays.
3. My brother $\qquad$ at the K- pop Club last night.
4. She doesn't get up $\qquad$ 6 o'clock in this morning.
5. They $\qquad$ to five different places in London.
6. There are many pictures $\qquad$ the wall. Some girls $\qquad$ them yesterday.
7. My birthday is on the fifteenth $\qquad$ August.
8. The boys play football $\qquad$ school every day.
